

Số: /TCBC-STP

Cần Thơ, ngày tháng 6 năm 2026

THÔNG CÁO BÁO CHÍ
Văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban
nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành trong tháng 5 năm 2026

Thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012; Quyết định số 977/QĐ-TTg ngày 11/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án “Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân”, Sở Tư pháp ra Thông cáo báo chí văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành trong tháng 5 năm 2026, cụ thể như sau:

I. DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐƯỢC BAN HÀNH

Trong tháng 5 năm 2026, Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành 10 văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể:

1. Quyết định số 48/2026/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp thẩm quyền cho Sở Nội vụ thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

2. Quyết định số 49/2026/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước trong lĩnh vực việc làm trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

3. Quyết định số 50/2026/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố phân công, phân cấp quản lý hoạt động về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

4. Quyết định số 51/2026/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố phân công, phân cấp quản lý công viên, cây xanh, mặt nước trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

5. Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố bãi bỏ Quyết định số 59/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ (cũ) quy định Bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020 - 2024) và Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ (cũ) sửa đổi, bổ sung một số điều

của Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ quy định Bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020 - 2024).

6. Quyết định số 53/2026/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

7. Quyết định số 54/2026/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định phân cấp thẩm quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

8. Quyết định số 55/2026/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất, đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm, đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

9. Quyết định số 56/2026/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi, vận tải hành khách tham quan du lịch và dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách tuyến cố định bằng đường thủy nội địa - đường biển trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

10. Quyết định số 57/2026/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý nhà nước trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

II. HIỆU LỰC THI HÀNH, SỰ CẦN THIẾT, MỤC ĐÍCH BAN HÀNH VÀ NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Trên cơ sở thông tin do các cơ quan, đơn vị cung cấp, Sở Tư pháp thông tin về hiệu lực thi hành, sự cần thiết, mục đích ban hành và nội dung chủ yếu của 10 văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành trong tháng 5 năm 2026 như sau:

1. Quyết định số 48/2026/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp thẩm quyền cho Sở Nội vụ thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 5 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ khoản 1 Điều 13 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 quy định “...Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp mình, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện liên tục, thường xuyên một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn mà mình được giao theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp pháp luật quy định không được phân cấp”.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 quy định “2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định để quy định: c) Biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương; phân cấp và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp.”

Căn cứ Điều 69 Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng số 69/2020/QH14 quy định:

“Điều 69. Nội dung quản lý nhà nước về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

1. Xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách, kế hoạch đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong từng thời kỳ.

2. Xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện và tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

3. Tổ chức quản lý và chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện công tác quản lý người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

4. Thực hiện quản lý người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng bằng mã số, tích hợp trên Hệ thống cơ sở dữ liệu về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

5. Xúc tiến mở rộng, ổn định và phát triển thị trường lao động ngoài nước.

6. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

... ”.

Căn cứ khoản 4 Điều 70 Luật số 69/2020/QH14 quy định “4. Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quản lý nhà nước về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trong phạm vi địa phương.”.

Căn cứ khoản 1 Điều 10 của Nghị định số 128/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong quản lý nhà nước lĩnh vực nội vụ, cụ thể:

“Điều 10. Phân quyền nhiệm vụ quản lý nhà nước về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

1. Nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính thực hiện, gồm:

a) Nhận và ban hành văn bản chấp thuận chuẩn bị nguồn lao động cho doanh nghiệp dịch vụ theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 18;

b) Nhận báo cáo và trả lời bằng văn bản cho doanh nghiệp trúng thầu, nhận thầu công trình, dự án ở nước ngoài theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 31;

c) Nhận báo cáo sau khi doanh nghiệp hoàn thành hợp đồng trúng thầu, nhận thầu ở nước ngoài; yêu cầu doanh nghiệp trúng thầu, nhận thầu công trình, dự án ở nước ngoài báo cáo đột xuất theo quy định tại khoản 8 Điều 32;

d) Nhận báo cáo và trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân Việt Nam đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 34;

đ) Nhận và trả lời bằng văn bản cho doanh nghiệp thực hiện đăng ký đưa người lao động Việt Nam đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài có thời gian từ 90 ngày trở lên theo quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 39.”

Căn cứ khoản 2 Điều 4 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ tạo việc làm quy định “2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc phân cấp hoặc ủy quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều này theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15.”.

+ Cơ sở thực tiễn

Hiện nay, các nhiệm vụ thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân cấp tỉnh như: quyết định hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, chấp thuận chuẩn bị nguồn lao động; tiếp nhận, trả lời báo cáo của doanh nghiệp trúng thầu, nhận thầu công trình, dự án ở nước ngoài; tiếp nhận đăng ký đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài... chủ yếu giao cơ quan chuyên môn tham mưu, trình ký. Việc chưa thực hiện phân cấp chính thức dẫn đến quy trình xử lý hồ sơ còn qua nhiều khâu trung gian, kéo dài thời gian giải quyết, ảnh hưởng đến tiến độ triển khai hợp đồng của doanh nghiệp và quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động.

Sở Nội vụ là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý nhà nước về lĩnh vực nội vụ, trong đó có lĩnh vực lao động ngoài nước theo quy định hiện hành; đồng thời có bộ máy, nhân sự chuyên trách, điều kiện cơ sở vật chất và kinh

nghiệm thực tiễn trong việc tiếp nhận, thẩm định, theo dõi, tổng hợp, báo cáo các nội dung liên quan. Việc phân cấp cho Sở Nội vụ thực hiện một số nhiệm vụ nêu trên bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và năng lực thực hiện.

Yêu cầu tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, thực hiện chủ trương phân cấp, phân quyền gắn với nâng cao tính chủ động, trách nhiệm của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; đồng thời rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính, bảo đảm tính công khai, minh bạch, kịp thời trong tiếp nhận và xử lý hồ sơ của doanh nghiệp và người lao động, đặt ra yêu cầu cần thiết phải ban hành Quyết định phân cấp để tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, thống nhất cho việc tổ chức triển khai thực hiện trên địa bàn thành phố.

Thực tiễn phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn thành phố cho thấy việc ban hành Quyết định phân cấp sẽ góp phần xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của Sở Nội vụ trong tổ chức thực hiện; đồng thời bảo đảm sự chỉ đạo, kiểm tra, giám sát của Ủy ban nhân dân thành phố, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Bên cạnh đó, việc thực hiện chủ trương đẩy mạnh phân quyền, phân cấp trong quản lý nhà nước theo quy định của Chính phủ đòi hỏi cần cụ thể hóa tại địa phương, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý.

Từ những cơ sở thực tiễn nêu trên, việc ban hành Quyết định phân cấp thẩm quyền cho Sở Nội vụ thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn thành phố Cần Thơ là cần thiết, phù hợp với yêu cầu thực tiễn và định hướng cải cách hành chính hiện nay.

- Mục đích ban hành

+ Quy định của Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp thẩm quyền cho Sở Nội vụ thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn thành phố Cần Thơ; qua đó bảo đảm việc tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật được kịp thời, thống nhất, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động và các tổ chức, doanh nghiệp liên quan trong quá trình thực hiện.

+ Đẩy mạnh cải cách hành chính, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục, tạo thuận lợi cho người lao động và doanh nghiệp;

+ Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, bảo đảm công khai, minh bạch trong quá trình thực hiện.

c) Nội dung chủ yếu:

Quyết định số 48/2026/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp thẩm quyền cho Sở Nội vụ thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 05 điều, cụ thể như sau:

- Phạm vi điều chỉnh (Điều 1)

Quyết định này phân cấp thẩm quyền cho Sở Nội vụ thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn thành phố Cần Thơ

- Đối tượng áp dụng (Điều 2)

+ Sở Nội vụ

+ Người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

+ Doanh nghiệp Việt Nam đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

+ Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan

- Nội dung phân cấp (Điều 3)

- Hiệu lực thi hành (Điều 4)

- Trách nhiệm thi hành (Điều 5).

2. Quyết định số 49/2026/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước trong lĩnh vực việc làm trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành

+ Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ Luật Việc làm số 74/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh “3. Ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước;

cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương; hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công.”;

Căn cứ Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 352/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về dịch vụ việc làm;

Căn cứ Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 1051/QĐ-LĐTBXH ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng đối với dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực việc làm.

+ Cơ sở thực tiễn

Từ ngày 01 tháng 7 năm 2025, thực hiện chủ trương sáp nhập 03 địa phương thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Hậu Giang thành phố Cần Thơ (mới), để thực hiện thống nhất quy định về phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Quyết định số 932/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2025 về việc ban hành Danh mục văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng, tỉnh Hậu Giang ban hành trước sắp xếp đơn vị hành chính được lựa chọn tiếp tục áp dụng, trong đó lựa chọn áp dụng Quyết định số 21/2024/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang ban hành Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực lao động - thương binh và xã hội về việc làm trên địa bàn tỉnh Hậu Giang trên địa bàn thành phố Cần Thơ (mới). Tuy nhiên hiện nay căn cứ pháp lý của Quyết định số 21/2024/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang đã hết hiệu lực thi hành và không còn phù hợp với quy định của pháp luật mới ban hành, Luật Việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013; Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 Điều 37 và Điều 39 của Luật Việc làm về Trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm; một số căn cứ pháp lý của Nghị định

số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

Căn cứ khoản 19 Điều 1 Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, quy định: *“19. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Hậu Giang thành thành phố mới có tên gọi là thành phố Cần Thơ...”*.

Đồng thời, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 54 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định: *“b) Trường hợp nhiều đơn vị hành chính được nhập thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp thì văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi đơn vị hành chính đó cho đến khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính mới ban hành văn bản hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới;”*.

Như vậy, thực tiễn sau sáp nhập thành phố Cần Thơ, tỉnh Hậu Giang và tỉnh Sóc Trăng thành thành phố Cần Thơ (mới). Để việc quản lý nhà nước được thống nhất sau khi sắp xếp chính quyền địa phương hai cấp thì việc ban hành Quyết định nêu trên là cần thiết.

- Mục đích ban hành

+ Quyết định nhằm chuẩn hóa, nâng cao chất lượng dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực việc làm, đảm bảo hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, công khai minh bạch, và làm cơ sở kiểm tra, giám sát, nghiệm thu. Đáp ứng nhu cầu, mong đợi và sự hài lòng của người dân, tổ chức, doanh nghiệp.

+ Chuẩn hoá chất lượng: thiết lập hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kỹ thuật cụ thể làm thước đo cho các dịch vụ việc làm.

+ Quản lý kinh phí hiệu quả: sử dụng ngân sách nhà nước đúng mục đích, hiệu quả.

+ Tăng cường giám sát, đánh giá: thiết lập cơ chế kiểm định chất lượng minh bạch, công khai để người dân và cơ quan nhà nước cùng giám sát

+ Nghiệm thu chính xác: làm cơ sở để kiểm tra, đánh giá và nghiệm thu kết quả thực hiện dịch vụ công của các đơn vị.

+ Nâng cao năng lực đơn vị: thúc đẩy các đơn vị cung cấp dịch vụ cải tiến chất lượng và nâng cao năng lực quản trị.

c) Nội dung chủ yếu:

Quyết định số 49/2026/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước trong lĩnh vực việc làm trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 03 Điều, cụ thể như sau:

- Ban hành Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước trong lĩnh vực việc làm trên địa bàn thành phố Cần Thơ (Điều 1)

+ Nội dung cung ứng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí nhà nước trong lĩnh vực việc làm: Tư vấn đối với người lao động, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số; Giới thiệu việc làm; Cung ứng lao động trong nước đối với người lao động, người dân tộc thiểu số; Cung ứng lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài đối với người lao động, người dân tộc thiểu số; Thu thập thông tin người tìm việc; Thu thập thông tin việc làm trống; Theo dõi tình trạng việc làm của người lao động; Đánh giá người cung ứng dịch vụ; Đánh giá cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cung ứng dịch vụ

+ Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước lĩnh vực việc làm.

+ Cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm tra chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước lĩnh vực việc làm

+ Kiểm định chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước lĩnh vực việc làm

+ Nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước trong lĩnh vực việc làm

- Hiệu lực thi hành (Điều 2)

- Trách nhiệm thi hành (Điều 3).

3. Quyết định số 50/2026/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố phân công, phân cấp quản lý hoạt động về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 5 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 2025, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP; Nghị định số 98/2019/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02 tháng 01 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP; Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13 tháng 06 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương.

+ Cơ sở thực tiễn

Thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong công tác quản lý nhà nước lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật đô thị (trong đó có lĩnh vực cấp nước), Sở Xây dựng có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố phân công trách nhiệm cho các cơ quan chuyên môn và phân cấp quản lý cho Ủy ban nhân dân cấp xã.

Căn cứ khoản 8, Điều 60 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch, quy định:

“8. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm trong việc thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động cấp nước trên địa bàn do mình quản lý; quy định chức năng, nhiệm vụ, phân cấp quản lý về hoạt động cấp nước cho các cơ quan chuyên môn và Ủy ban nhân dân các cấp do mình quản lý. Sở Xây dựng các tỉnh các thành phố trực thuộc trung ương

là cơ quan chuyên môn tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cấp nước đô thị và khu công nghiệp; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chuyên môn tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cấp nước nông thôn trên địa bàn.”

Căn cứ khoản 2 Điều 19 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng, quy định:

“2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm trong việc thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động cấp nước trên địa bàn do mình quản lý; quy định chức năng, nhiệm vụ, phân cấp quản lý về hoạt động cấp nước cho các cơ quan chuyên môn và Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định tại khoản 8 Điều 60 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ.” Thời gian qua, trên địa bàn thành phố Cần Thơ cũ, tỉnh Sóc Trăng cũ đã ban hành quy định, tại Quyết định số 30/2011/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành quy định về bảo vệ nguồn nước cấp, công trình cấp nước, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ phân công, phân cấp quản lý hoạt động về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Quyết định số 40/2015/QĐ-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành quy định phân cấp quản lý về sản xuất, cung cấp, tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng. Trên địa bàn tỉnh Hậu Giang cũ chưa ban hành quyết định.

Các Quyết định trên được ban hành về cơ bản đã đáp ứng yêu cầu công tác quản lý nhà nước; yêu cầu phân công trách nhiệm cho các cơ quan chuyên môn và phân cấp quản lý cho Ủy ban nhân dân các cấp; quy định cụ thể về quản lý hoạt động sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch trên địa bàn thành phố Cần Thơ cũ và tỉnh Sóc Trăng cũ, làm cơ sở triển khai thực hiện quản lý cấp nước trên địa bàn các tỉnh, thành phố thời gian vừa qua.

Thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh: “Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Hậu Giang thành thành phố mới có tên gọi là thành phố Cần Thơ”. Do đó, hiện nay trên địa bàn thành phố Cần Thơ mới đang tồn tại hai quyết định khác nhau liên quan đến việc quản lý hoạt động cấp nước. Điều này tạo ra sự thiếu đồng bộ, cản trở quá trình quản lý hành chính hiệu quả và gây khó khăn cho chính quyền địa phương, các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan đến hoạt động cấp nước.

Vì vậy, việc ban hành một quyết định mới, thống nhất là rất cần thiết. Quyết định này sẽ thay thế các văn bản cũ, tạo ra một khuôn khổ pháp lý duy nhất cho toàn thành phố, phục vụ tốt hơn trong công tác quản lý nhà nước về cấp nước trên địa bàn thành phố Cần Thơ mới.

Từ căn cứ chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, đồng thời, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động cấp nước, Sở Xây dựng kính trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét ban hành Quyết định phân công, phân cấp quản lý hoạt động về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch trên địa bàn thành phố Cần Thơ bãi bỏ Quyết định số 30/2011/QĐ-UBND ngày 05/10/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành Quy định về bảo vệ nguồn nước cấp, công trình cấp nước, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ngày 25/02/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ phân công, phân cấp quản lý hoạt động về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Quyết định số 40/2015/QĐ-UBND ngày 23/11/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành quy định phân cấp quản lý về sản xuất, cung cấp, tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

+ Mục đích ban hành

Việc ban hành Quyết định phân công, phân cấp quản lý hoạt động về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch trên địa bàn thành phố Cần Thơ nhằm thiết lập một hệ thống pháp lý duy nhất, đồng bộ và tập trung cho thành phố Cần Thơ, bãi bỏ các quyết định trước đây của ba tỉnh, thành phố (Cần Thơ, Hậu Giang, Sóc Trăng).

c) Nội dung chủ yếu:

Quyết định số 50/2026/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố phân công, phân cấp quản lý hoạt động về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 07 Điều, cụ thể như sau:

- Phạm vi, đối tượng điều chỉnh (Điều 1)

+ Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về phân công, phân cấp quản lý các hoạt động liên quan đến sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch trên địa bàn thành phố Cần Thơ theo quy định tại khoản 8 Điều 60 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch.

Các nội dung liên quan đến quản lý các hoạt động sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

+ Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Ủy ban nhân dân cấp xã; các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến hoạt động sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

- Nguyên tắc quản lý (Điều 2)

Hoạt động cấp nước là loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh chịu sự kiểm soát của Ủy ban nhân dân thành phố nhằm đảm bảo quyền lợi và lợi ích hợp pháp của các đơn vị cấp nước và khách hàng sử dụng nước, trong đó có xét đến việc hỗ trợ cấp nước hộ nghèo và các xã đặc biệt khó khăn

Phát triển hoạt động cấp nước phải bền vững trên cơ sở khai thác tối ưu mọi nguồn lực, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch của người dân và chất lượng nước sạch phải đảm bảo theo quy định, phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của thành phố theo từng giai đoạn

Khai thác, sản xuất và cung cấp nước sạch không phụ thuộc vào địa giới hành chính; ưu tiên khai thác nguồn nước để phục vụ cấp nước cho mục đích sinh hoạt của cộng đồng, người dân; Ưu tiên khai thác nguồn nước mặt có chất lượng, lưu lượng ổn định, bền vững để phục vụ khai thác, sản xuất, cung cấp nước sạch; giảm dần và hướng tới hạn chế khai thác nguồn nước dưới đất

Sử dụng nước tiết kiệm, hợp lý và nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tiết kiệm nước, tái sử dụng nước cho các mục đích khác nhau; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số vào hoạt động quản lý, sản xuất, cung cấp nước sạch

Khuyến khích các thành phần kinh tế, cộng đồng xã hội tham gia đầu tư phát triển và quản lý hoạt động cấp nước trên địa bàn thành phố.

- Phân công trách nhiệm cho các sở, ban, ngành thành phố (Điều 3)
- Phân cấp quản lý cho Ủy ban nhân dân cấp xã (Điều 4)
- Tổ chức thực hiện (Điều 5)
- Hiệu lực thi hành (Điều 6)
- Trách nhiệm thi hành (Điều 7).

4. Quyết định số 51/2026/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố phân công, phân cấp quản lý công viên, cây xanh, mặt nước trên địa bàn thành phố Cần Thơ

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 258/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về quản lý công viên, cây xanh, mặt nước.

+ Cơ sở thực tiễn

Thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong công tác quản lý nhà nước lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật đô thị (trong đó có công viên, cây xanh đô thị), Sở Xây dựng có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công trách nhiệm cho các cơ quan chuyên môn và phân cấp quản lý cho chính quyền đô thị về quản lý công viên, cây xanh đô thị trên địa bàn; ban hành hoặc phân cấp cho chính quyền đô thị ban hành các văn bản quy định cụ thể về quản lý công viên, cây xanh đô thị. Theo đó, Sở Xây dựng thành phố Cần Thơ tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành Quyết định số 15/2012/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2012 về việc ban hành Quy định về quản lý công viên và cây xanh đô thị trên địa bàn thành phố Cần Thơ; Sở Xây dựng tỉnh Sóc Trăng tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quyết định số 19/2013/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2013 về việc phân cấp quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; Sở Xây dựng tỉnh Hậu Giang tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang ban hành Quyết định số 13/2013/QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2013 ban hành quy định quản lý cây xanh trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. Các Quyết định trên được ban hành căn cứ theo Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về quản lý cây xanh đô thị, về cơ bản đã đáp ứng yêu cầu công tác quản lý nhà nước; yêu cầu phân công trách nhiệm cho các cơ quan chuyên môn và phân cấp quản lý cho Ủy ban nhân dân các cấp; quy định cụ thể về quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn làm cơ sở triển khai thực hiện quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn các tỉnh, thành phố thời gian vừa qua.

Thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh: “Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Hậu Giang thành thành phố mới có tên gọi là thành phố Cần Thơ”. Do đó, hiện nay trên địa bàn thành phố Cần Thơ (sau sát nhập) đang tồn tại ba quyết định khác nhau liên quan đến việc quản lý cây xanh đô thị. Điều này tạo ra sự thiếu đồng bộ, cản trở quá trình quản lý hành chính hiệu quả và gây khó khăn cho chính quyền địa phương, các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan đến hoạt động cây xanh đô thị

Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân thành phố đã có chỉ đạo tại Công văn số 1658/UBND-XDĐT ngày 07 tháng 10 năm 2025 về việc xây dựng các Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố trong lĩnh vực xây dựng theo trình tự, thủ tục rút gọn, trong đó có Quyết định Ban hành quy định phân cấp quản lý công viên, cây xanh đô thị trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Ngày 09 tháng 10 năm 2025 Chính phủ ban hành Nghị định số 258/2025/NĐ-CP về quản lý công viên, cây xanh, mặt nước (thay thế Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về quản lý cây xanh đô thị) và có hiệu lực thi hành từ ngày 09 tháng 10 năm 2025. Căn cứ Điều 45 Nghị định số 258/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về quản lý công viên, cây xanh, mặt nước, quy định:

“Điều 45. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Tổ chức quản lý nhà nước về công viên, cây xanh, mặt nước trên địa bàn toàn tỉnh; phân công, phân cấp quản lý công viên, cây xanh, mặt nước trên địa bàn cho cơ quan chuyên môn trực thuộc và Ủy ban nhân dân các cấp theo quy định của Nghị định này và quy định của pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương.

2. Công bố danh mục cây xanh sử dụng công cộng địa phương; ban hành danh mục cây xanh cần bảo tồn trên địa bàn; xây dựng cơ sở dữ liệu về công viên, cây xanh, mặt nước trên địa bàn.

3. Ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư phát triển công viên, cây xanh, mặt nước trên địa bàn; cơ chế, chính sách đối với mô hình tự quản công viên, cây xanh tại khu dân cư nông thôn.

4. Tổ chức kiểm tra, giám sát việc đầu tư phát triển, quản lý, sử dụng và khai thác công viên, cây xanh, mặt nước; thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về công viên, cây xanh, mặt nước trên địa bàn.

5. Thực hiện các trách nhiệm khác của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của Nghị định này.”

Vì vậy việc ban hành một quyết định mới, thống nhất và phù hợp với Nghị định số 258/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về quản lý công viên, cây xanh, mặt nước là cần thiết. Quyết định này sẽ thay thế ba văn bản cũ, tạo ra một khuôn khổ pháp lý duy nhất cho toàn thành phố, phục vụ tốt hơn trong công tác quản lý nhà nước về công viên, cây xanh, mặt nước trên địa bàn thành phố Cần Thơ (sau sáp nhập).

Từ căn cứ chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, đồng thời, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với công viên, cây xanh, mặt nước, Sở Xây dựng kính trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét ban hành Quyết định phân công, phân cấp quản lý công viên, cây xanh, mặt nước trên địa bàn thành phố Cần Thơ thay thế Quyết định số 15/2012/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc ban hành Quy định về quản lý công viên và cây xanh đô thị trên địa bàn thành phố Cần Thơ; Quyết định số 19/2013/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phân cấp quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; Quyết định số 13/2013/QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2013 của Ủy

ban nhân dân tỉnh Hậu Giang ban hành quy định quản lý cây xanh trên địa bàn tỉnh Hậu Giang

- Mục đích ban hành

Việc ban hành Quyết định phân công, phân cấp quản lý công viên, cây xanh, mặt nước trên địa bàn thành phố Cần Thơ nhằm thiết lập một hệ thống pháp lý duy nhất, đồng bộ và tập trung cho thành phố Cần Thơ, thay thế cho các quyết định trước đây của ba tỉnh, thành phố (Cần Thơ, Hậu Giang, Sóc Trăng cũ).

c) Nội dung chủ yếu:

Quyết định số 51/2026/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố phân công, phân cấp quản lý công viên, cây xanh, mặt nước trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 05 Điều cụ thể như sau:

- Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng (Điều 1)

+ Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định phân công, phân cấp quản lý công viên, cây xanh, mặt nước trên địa bàn thành phố Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 45 Nghị định số 258/2025/NĐ-CP về quản lý công viên, cây xanh, mặt nước. Các nội dung không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 258/2025/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

+ Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ và Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

- Phân công trách nhiệm quản lý công viên, cây xanh, mặt nước (Điều 2)

- Phân cấp quản lý công viên, cây xanh, mặt nước cho Ủy ban nhân dân cấp xã (Điều 3)

- Hiệu lực thi hành (Điều 4)

- Tổ chức thực hiện (Điều 5).

5. Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố bãi bỏ Quyết định số 59/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ (cũ) quy định Bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020 - 2024) và Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ (cũ) sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ quy định Bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020 - 2024)

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực từ ngày 27 tháng 5 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý

Ngày 30 tháng 12 năm 2025, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 59/2025/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ (cũ) quy định Bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020 - 2024) và Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ (cũ) sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ quy định Bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020 - 2024).

Tuy nhiên, căn cứ khoản 3 Điều 159 Luật Đất đai năm 2024 quy định: “3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định bảng giá đất lần đầu để công bố và áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026. Hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung bảng giá đất để công bố và áp dụng từ ngày 01 tháng 01 của năm tiếp theo.”. Tại khoản 3 Điều 7 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai quy định “3. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định bảng giá đất, công bố và áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026; sửa đổi, bổ sung bảng giá đất khi cần thiết.”.

Tại khoản 5 Điều 14 và điểm a khoản 2 Điều 38 Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về giá đất quy định “5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định bảng giá đất, công bố công khai và chỉ đạo cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.”, “2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: a) Tổ chức xây dựng, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung trình Hội đồng nhân dân ban hành bảng giá đất;”.

Theo đó, ngày 31 tháng 12 năm 2025, Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết số 41/2025/NQ-HĐND quy định bảng giá đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ (có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026), dẫn đến Quyết định số 59/2025/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ không còn phù hợp.

Căn cứ khoản 2 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 quy định “2. Văn bản quy phạm pháp luật bị bãi bỏ bằng văn bản của chính cơ quan, người có thẩm quyền đã ban hành văn bản đó hoặc bằng văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 54 của Luật này.”; khoản 2 Điều 4 Nghị định

số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định “2. Cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật để bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần văn bản do mình ban hành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.”.

Từ những cơ sở pháp lý trên, Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng dự thảo Quyết định bãi bỏ Quyết định số 59/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ (cũ) quy định Bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020 - 2024) và Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ (cũ) sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ quy định Bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020 - 2024) trình Ủy ban nhân dân thành phố là có đầy đủ cơ sở pháp lý và phù hợp theo quy định.

+ Cơ sở thực tiễn

Quyết định số 59/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ được ban hành nhằm bổ sung bảng giá đất đối với các vị trí bố trí tái định cư cho các dự án đang triển khai trong giai đoạn chuyển tiếp khi Nghị quyết quy định bảng giá đất trên địa bàn thành phố chưa được Hội đồng nhân dân thành phố ban hành. Quyết định này có thời hạn áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025, nhằm bảo đảm có cơ sở để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với người được bố trí tái định cư, đồng thời tránh ách tắc trong quá trình thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Tuy nhiên, ngày 31 tháng 12 năm 2025 Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ đã ban hành Nghị quyết số 41/2025/NQ-HĐND quy định bảng giá đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026. Theo đó, giá đất tại các khu tái định cư trên địa bàn thành phố đã được quy định đầy đủ trong Bảng giá đất năm 2026 và được áp dụng thống nhất theo thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố. Do vậy, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, Quyết định số 59/2025/QĐ-UBND không còn hiệu lực áp dụng trên thực tế và không còn phù hợp với quy định hiện hành.

Với căn cứ chính trị, pháp lý và cơ sở thực tiễn nêu trên thì việc ban hành Quyết định bãi bỏ Quyết định số 59/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ (cũ) quy định Bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020 - 2024) và Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ (cũ) sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân

thành phố Cần Thơ quy định Bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020 - 2024) là cần thiết, nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và phù hợp với tình hình thực tiễn quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn thành phố.

- Mục đích ban hành

Việc ban hành bãi bỏ Quyết định số 59/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ (cũ) quy định Bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020 - 2024) và Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ (cũ) sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ quy định Bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020 - 2024) để thống nhất thực hiện bảng giá đất trên địa bàn thành phố và được Ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận tại Công văn số 945/UBND-KT ngày 26 tháng 02 năm 2026 và Công văn số 1459/UBND-KT ngày 25 tháng 3 năm 2026.

c) Nội dung chủ yếu:

Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố bãi bỏ Quyết định số 59/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ (cũ) quy định Bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020 - 2024) và Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ (cũ) sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ quy định Bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020 - 2024), gồm 02 điều, cụ thể như sau:

- Bãi bỏ toàn bộ Quyết định (Điều 1)

Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 59/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ (cũ) quy định Bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020 - 2024) và Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ (cũ) sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ quy định Bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020 - 2024).

- Điều khoản thi hành (Điều 2).

6. Quyết định số 53/2026/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 09 tháng 6 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý

- Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII: *Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*. Trong nghị quyết này có nội dung: “*Thực hiện phân cấp, phân quyền mạnh mẽ, hợp lý giữa Trung ương và địa phương, giữa cấp trên và cấp dưới, gắn quyền hạn với trách nhiệm; đồng thời xây dựng cơ chế kiểm soát quyền lực chặt chẽ bằng các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch, đề cao trách nhiệm giải trình và tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện*”.

- Nghị quyết số 27-/NQ/TW ngày 9 tháng 11 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII: “*Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới*”. Trong Nghị quyết có nội dung: “*phân cấp, phân quyền hợp lý giữa Trung ương và địa phương; cơ bản hoàn thiện tổ chức bộ máy chính quyền địa phương*”. Nghị quyết cũng nhấn mạnh việc “*xây dựng cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước, đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường phân cấp, phân quyền, làm rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức, cá nhân trong bộ máy nhà nước đi đôi với nâng cao năng lực thực thi*”.

- Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý Nhà nước.

- Các nội dung quy định về đào tạo, bồi dưỡng hiện hành của địa phương không còn phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, chưa quy định thẩm quyền của chính quyền cấp xã thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; trong khi đó, chính quyền địa phương cấp huyện đã kết thúc hoạt động.

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Nghị định số 171/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng, ban hành quy chế đào tạo, bồi dưỡng, tạo điều kiện để công chức không ngừng học tập, nâng cao ý thức trách nhiệm trong tự nghiên cứu, tự học tập nâng cao trình độ, năng lực công tác và trách nhiệm của đội ngũ công chức lãnh đạo, quản lý các cấp tham gia giảng dạy các khóa bồi dưỡng công chức thuộc phạm vi quản lý phù hợp với thẩm quyền, trách nhiệm của địa phương và tại khoản 1 Điều 42 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức quy định Ủy ban nhân dân tỉnh, thành, phố trực thuộc trung ương xây dựng, ban

hành chế độ khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức không ngừng học tập nâng cao trình độ, năng lực công tác; bố trí kinh phí bảo đảm thực hiện có hiệu quả chế độ đào tạo, bồi dưỡng theo quy định”.

- Căn cứ Quyết định số 1170/QĐ-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Danh mục Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, nghị định của Chính phủ, thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ.

+ Cơ sở thực tiễn

Trên cơ sở kết quả triển khai thi hành Luật Cán bộ, công chức năm 2008; Luật viên chức năm ; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019; Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, Sở Nội vụ đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quyết định số 14/2019/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng và Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 14/2019/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng. Theo đó, cơ bản đã phân định rõ thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, lãnh đạo các sở, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, tăng tính chủ động cho cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc đào tạo, bồi dưỡng. Bên cạnh những mặt được, thì quy chế đào tạo, bồi dưỡng hiện tại vẫn còn một số hạn chế nhất định như: việc phân cấp thẩm quyền cử đi đào tạo, bồi dưỡng chưa thật sự đủ mạnh, chưa tạo được tính chủ động của các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp tự chủ chi thường xuyên và Ủy ban nhân dân cấp xã và chưa phù hợp với việc tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; ngoài ra, cấp huyện đã kết thúc, trong khi cấp xã chưa được phân cấp thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng.

Với những cơ sở nêu trên, việc tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn thành phố là cần thiết.

- Mục đích ban hành

Quyết định ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức làm cơ sở cho cơ quan, tổ chức thực hiện một cách cụ thể và phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, đồng thời đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

c) Nội dung chủ yếu:

Quyết định số 53/2026/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 03 Điều, cụ thể:

- Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn thành phố Cần Thơ (Điều 1)

+ Nguyên tắc đào tạo, bồi dưỡng

+ Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng

+ Thẩm quyền ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng

+ Trình tự ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hằng năm

+ Điều kiện cử đi đào tạo, bồi dưỡng

+ Thẩm quyền quyết định cử đi đào tạo, bồi dưỡng

+ Quản lý cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng

+ Khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng

+ Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng

+ Đền bù chi phí đào tạo

+ Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị có cán bộ, công chức, viên chức tham gia giảng dạy các lớp bồi dưỡng

+ Trách nhiệm, quyền của cán bộ, công chức, viên chức trong việc tham gia giảng dạy các lớp bồi dưỡng.

- Hiệu lực thi hành (Điều 2)

- Tổ chức thực hiện (Điều 3).

7. Quyết định số 54/2026/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định phân cấp thẩm quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 5 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành.

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý

Tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai quy định: “1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền quyết định về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ,

tái định cư, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, điều chỉnh thời hạn sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất, chuyển hình thức sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất, chấp thuận về việc thỏa thuận nhận quyền sử dụng đất để thực hiện dự án, chấp thuận, phê duyệt phương án sử dụng đất. Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước và tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc phân cấp, ủy quyền cho cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện đối với các nhiệm vụ quy định tại khoản này cho phù hợp.”.

Tại khoản 1 Điều 13 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 quy định: “...Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp mình, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện liên tục, thường xuyên một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn mà mình được giao theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp pháp luật quy định không được phân cấp”.

Tại điểm c khoản 2 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 quy định: “2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định để quy định: c) Biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương; phân cấp và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp.”.

+ Cơ sở thực tiễn

Ngày 12 tháng 6 năm 2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 151/2025/NĐ-CP quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai, trong đó: Tại Điều 5 quy định nội dung thẩm quyền của UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp huyện theo quy định của Luật Đất đai và các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai chuyển giao cho Chủ tịch UBND cấp xã thực hiện; tại Điều 10 quy định nội dung thẩm quyền của UBND cấp tỉnh theo quy định của Luật Đất đai và các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai phân quyền, phân cấp cho UBND cấp xã, Chủ tịch UBND cấp xã thực hiện. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP thì một số nội dung về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực đất đai được quy định tại Điều 5 và Điều 10 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP nêu trên đã hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 31/01/2026. Do đó, nếu không kịp thời ban hành văn bản của địa phương sẽ tạo nên khoảng trống pháp lý, dễ dẫn đến ách tắc trong giải quyết công việc.

Ngoài ra, từ thực tiễn triển khai công tác phân cấp, phân quyền trong thời gian qua trên địa bàn thành phố Cần Thơ cho thấy: Việc chuyển giao thẩm quyền cho cấp xã bước đầu đã đạt được nhiều kết quả tích cực; chính quyền cấp xã ngày càng chủ động hơn trong thực hiện nhiệm vụ, góp phần rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh

nghiệp, đồng thời cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh tại địa phương. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình triển khai cũng phát sinh nhiều khó khăn, vướng mắc cần được xem xét, hoàn thiện thông qua việc ban hành quy định phân cấp cụ thể như sau: Hệ thống pháp luật còn thiếu đồng bộ, có nội dung chồng chéo; nguồn nhân lực tại cấp xã còn hạn chế về số lượng và chất lượng, nhiều cán bộ phải kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực, trong khi một số nhiệm vụ được phân cấp có tính chất chuyên môn sâu, gây áp lực lớn trong tổ chức thực hiện; cơ sở vật chất, trang thiết bị, hạ tầng công nghệ thông tin chưa đáp ứng yêu cầu, đặc biệt trong bối cảnh đẩy mạnh chuyển đổi số và cung cấp dịch vụ công trực tuyến; khối lượng công việc tại cấp xã tăng đáng kể sau khi tiếp nhận thêm thẩm quyền, trong khi cơ chế phối hợp giữa các cơ quan liên quan đôi lúc chưa kịp thời, ảnh hưởng đến tiến độ xử lý hồ sơ.

Từ cơ sở pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc UBND thành phố ban hành “Quyết định quy định phân cấp thẩm quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Cần Thơ” là thật sự cần thiết, nhằm đảm bảo không gây ách tắc về thực hiện thủ tục hành chính, đình trệ các dự án đầu tư, cũng như hạn chế rủi ro về pháp lý do chồng chéo thẩm quyền, từ đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

- Mục đích ban hành

Nhằm quy định về phân cấp thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, điều chỉnh thời hạn sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất, chuyển hình thức sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất, chấp thuận về việc thỏa thuận nhận quyền sử dụng đất để thực hiện dự án, chấp thuận, phê duyệt phương án sử dụng đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai.

c) Nội dung chủ yếu:

Quyết định số 54/2026/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định phân cấp thẩm quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 06 Điều, cụ thể:

- Phạm vi điều chỉnh (Điều 1)

Quyết định này quy định về phân cấp thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục

đích sử dụng đất, điều chỉnh thời hạn sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất, chuyển hình thức sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất, chấp thuận, phê duyệt phương án sử dụng đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai.

- Đối tượng áp dụng (Điều 2)

+ Các cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về đất đai và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

+ Người sử dụng đất theo quy định tại Điều 4 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

- Thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện (Điều 3)

- Hiệu lực thi hành (Điều 4)

- Điều khoản chuyển tiếp (Điều 5)

- Trách nhiệm thi hành (Điều 6).

8. Quyết định số 55/2026/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất, đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm, đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 5 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- **Sự cần thiết ban hành:**

+ **Cơ sở chính trị, pháp lý**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

Căn cứ Nghị Quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết 1668/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Cần Thơ năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Nghị định số 291/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về quỹ phát triển đất;

Căn cứ Nghị định số 50/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc Hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

+ Cơ sở thực tiễn

(1) Trước đây, căn cứ các quy định nêu trên và Nghị quyết cho ý kiến của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ (cũ), tỉnh Sóc Trăng (cũ) và tỉnh Hậu Giang (cũ) đã ban hành các Quyết định (Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ (cũ), Quyết định số 50/2024/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang (cũ) và Quyết định số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng (cũ)) quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất, đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm, đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước tại từng địa phương để triển khai thực hiện.

- Nhằm đảm bảo tính tương đồng và thống nhất trong áp dụng mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất, đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm và đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước trên địa bàn thành phố Cần Thơ sau khi sắp xếp đơn vị hành chính. Do đó, việc xây dựng và ban hành quy định chung để áp dụng thống nhất trên địa bàn thành phố Cần Thơ là cần thiết, phù hợp với nguyên tắc quản lý đất đai thống nhất, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan chức năng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

- Thành phố Cần Thơ (mới) được thành lập trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thành phố Cần Thơ (cũ), tỉnh Sóc Trăng (cũ) và tỉnh Hậu Giang (cũ) theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.

- Tại khoản 4 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 quy định:

“4. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thay thế văn bản quy phạm pháp luật hiện hành thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Thay đổi cơ bản chính sách, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng;

b) Sửa đổi, bổ sung về nội dung quá một phần hai tổng số điều”.

- Tại điểm b khoản 2 Điều 54 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi bổ sung tại khoản 20 Điều 1 Luật số 87/2025/QH15, quy định:

...b) Trường hợp nhiều đơn vị hành chính được nhập thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp thì văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi đơn vị hành chính đó cho đến khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính mới ban hành văn bản hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới;”

(2) Theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: *“1. Ban hành mức tỷ lệ (%) để tính đơn giá thuê đất, mức tỷ lệ (%) thu đối với đất xây dựng công trình ngầm, mức tỷ lệ (%) thu đối với đất có mặt nước và quyết định giá đất cụ thể theo thẩm quyền làm căn cứ để tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.”*

- Tại khoản 1 Điều 44 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định trách nhiệm Cơ quan tài chính:

“Chủ trì xây dựng và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định mức tỷ lệ (%) cụ thể để xác định đơn giá thuê đất; mức tỷ lệ (%) để tính tiền thuê đối với đất xây dựng công trình ngầm, công trình ngầm nằm ngoài phần không gian sử dụng đất đã xác định cho người sử dụng đất, đất có mặt nước theo quy định tại Điều 26, 27 và 28 Nghị định này.”

- Tại điểm a khoản 1 Điều 26 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ (được sửa đổi bổ sung bởi Điều 13 Nghị định 50/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ), quy định:

“1. Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm không thông qua hình thức đấu giá: ...

a) Tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất một năm là từ 0,25% đến 3%.

Căn cứ vào thực tế địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất theo từng khu vực, tuyến đường tương ứng với từng mục đích sử dụng đất (có xem xét đến yếu tố diện tích đất được phép xây dựng, diện tích không được phép xây dựng mà chỉ sử dụng vào mục đích làm cảnh quan, phụ trợ) sau khi xin ý kiến của Hội đồng nhân dân cùng cấp.”

- Tại khoản 2 Điều 27 quy định đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm:

“2. Đơn giá thuê đất đối với đất được Nhà nước cho thuê để xây dựng công trình ngầm (không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất) theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Đất đai, được tính như sau:

a) Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm, đơn giá thuê đất được tính theo mức không quá 30% của đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm có cùng mục đích sử dụng đất.

b) Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, đơn giá thuê đất được tính theo mức không quá 30% của đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê có cùng mục đích sử dụng và thời hạn sử dụng đất.

c) Căn cứ vào thực tế địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể mức đơn giá thuê đất quy định tại điểm a, điểm b khoản này sau khi xin ý kiến của Hội đồng nhân dân cùng cấp.”

- Tại khoản 2, khoản 3 Điều 28 quy định đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước:

“2. Đối với phần diện tích đất có mặt nước, đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm, đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê được tính theo mức không thấp hơn 20% của đơn giá thuê đất hằng năm hoặc đơn giá thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê của loại đất có vị trí liền kề với giả định có cùng mục đích sử dụng đất và thời hạn sử dụng đất với phần diện tích đất có mặt nước.

3. Căn cứ vào thực tế địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể mức đơn giá thuê đất quy định tại khoản 2 Điều này sau khi xin ý kiến của Hội đồng nhân dân cùng cấp.”

Đối chiếu với các quy định nêu trên, việc xây dựng và ban hành chung áp dụng thống nhất các mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất, đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm, đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước trên địa bàn thành phố Cần Thơ (mới) là cần thiết, nhằm bảo đảm nguyên tắc quản lý đất

đại thống nhất, nâng cao tính minh bạch, công bằng, góp phần ổn định môi trường đầu tư và thu hút nguồn lực phát triển, quản lý chặt chẽ, khai thác hiệu quả nguồn lực đất đai; đồng thời tạo cơ sở pháp lý để cơ quan thuế và các đơn vị có liên quan thực hiện việc tính, thu, nộp và quản lý tiền thuê đất, thuê đất có mặt nước và thuê đất xây dựng công trình ngầm, góp phần tăng nguồn thu ngân sách nhà nước và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Nhằm đảm bảo phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 54 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung tại khoản 20 Điều 1 của Luật số 87/2025/QH15; đảm bảo tính liên tục, thông suốt không làm gián đoạn giải quyết thủ tục hành chính của tổ chức, cá nhân và thống nhất sau khi sắp xếp chính quyền địa phương hai cấp thì việc xây dựng, ban hành Quyết định quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất, đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm, đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước trên địa bàn thành phố Cần Thơ là rất cần thiết và phù hợp quy định của pháp luật hiện hành.

- Mục đích ban hành

Việc xây dựng Quyết định quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất, đơn giá thuê đất đối với đất xây dựng công trình ngầm, đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước trên địa bàn thành phố Cần Thơ nhằm phù hợp với tình hình thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của thành phố hiện nay khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp, đảm bảo quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân sau khi nộp tiền thuê đất vào ngân sách nhà nước, tránh thất thu ngân sách. Tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước và động lực cho việc phát triển kinh tế xã hội tại địa phương.

c) Nội dung chủ yếu:

Quyết định số 55/2026/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất, đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm, đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 07 điều, cụ thể như sau:

- Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng (Điều 1)
- + Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm không thông qua hình thức đấu giá, đơn giá thuê đất đối với đất xây dựng công trình ngầm (không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất), đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước.

Những nội dung khác liên quan đến việc thu tiền thuê đất, thuê mặt nước thực hiện theo Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; Nghị định số 291/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của

Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về quỹ phát triển đất; Nghị định số 50/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

+ Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước thực hiện việc quản lý, tính, thu, nộp tiền thuê đất.

Người sử dụng đất được Nhà nước cho thuê đất.

Các đối tượng khác liên quan đến việc tính, thu, nộp tiền thuê đất.

- Quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm không thông qua hình thức đấu giá tương ứng với từng khu vực, tuyến đường, mục đích sử dụng đất trong Bảng giá đất hiện hành (Điều 2)

+ Đối với nhóm đất nông nghiệp: 0,5%.

+ Đối với nhóm đất phi nông nghiệp, cụ thể: đất thương mại, dịch vụ: 1,7%; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 1,5%; các loại đất phi nông nghiệp còn lại: 1%.

- Đơn giá thuê đất đối với đất xây dựng công trình ngầm (Điều 3)

- Đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước (Điều 4)

- Hiệu lực thi hành (Điều 5)

- Điều khoản chuyển tiếp (Điều 6)

- Trách nhiệm thi hành (Điều 7).

9. Quyết định số 56/2026/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi, vận tải hành khách tham quan du lịch và dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách tuyến cố định bằng đường thủy nội địa - đường biển trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 6 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- **Sự cần thiết ban hành:**

+ Cơ sở chính trị, pháp lý

Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2017, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường

định hướng xã hội chủ nghĩa, nhấn mạnh yêu cầu hoàn thiện cơ chế quản lý giá theo nguyên tắc thị trường có sự điều tiết của Nhà nước.

Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16 tháng 01 năm 2012, Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020.

Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Bộ Chính trị xác định Cần Thơ trở thành trung tâm vùng và cả nước về dịch vụ, du lịch, logistics, công nghiệp chế biến, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao và khoa học - công nghệ. Đến năm 2030, Cần Thơ phấn đấu là thành phố sinh thái, văn minh, hiện đại.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Luật số 87/2025/QH15 ngày 25/6/2025, quy định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định để quy định *“a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên”*.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 28 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ, quy định: *“a) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền để quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật (tên gọi chi tiết, chủng loại cụ thể hoặc đặc điểm cơ bản của hàng hóa, dịch vụ) trên cơ sở tên gọi chung của hàng hóa, dịch vụ trong Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá (ngoại trừ sản phẩm dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo phương thức đặt hàng, hàng dự trữ quốc gia và các hàng hóa, dịch vụ đã có quy định về đặc điểm kinh tế - kỹ thuật tại pháp luật có liên quan), Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá được quy định tại Luật Giá và Nghị định này, phù hợp với yêu cầu công tác quản lý nhà nước về giá trên địa bàn.”*

+ Cơ sở thực tiễn

Thành phố Cần Thơ là đô thị trung tâm vùng Đồng bằng sông Cửu Long, có hệ thống giao thông đa dạng gồm đường bộ, đường thủy nội địa và tuyến vận tải từ bờ ra đảo, đồng thời là địa bàn phát triển mạnh dịch vụ taxi và vận tải hành khách tham quan du lịch. Thực tiễn hoạt động cho thấy các loại hình vận tải này có đặc thù riêng về phương tiện, cự ly khai thác, điều kiện vận hành, chi phí nhiên liệu, nhân công, bảo dưỡng, bến bãi và yêu cầu bảo đảm an toàn. Tuy nhiên, hiện nay chưa có quy định cụ thể, thống nhất về đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với các dịch vụ vận tải dẫn đến khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện.

Thực hiện Quyết định số 920/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phân công thẩm quyền lựa chọn tổ chức, cá nhân lập phương án giá; thẩm định phương án giá; tiếp nhận văn bản kê

khai giá; xây dựng đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, tiếp nhận kê khai giá. Do đó, việc xây dựng và ban hành quy định về đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với các dịch vụ vận tải là cần thiết, nhằm chuẩn hóa tên gọi, chủng loại, tiêu chí kỹ thuật của dịch vụ; tạo cơ sở thống nhất cho công tác kê khai, thẩm định giá; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước; bảo đảm môi trường cạnh tranh lành mạnh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên địa bàn thành phố.

Từ các cơ sở nêu trên, Ủy ban nhân dân thành phố cần thiết ban hành Quyết định Quy định về đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi, vận tải khách tham quan du lịch và dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách tuyến cố định bằng đường thủy nội địa, đường biển trên địa bàn thành phố Cần Thơ theo nội dung được phân cấp, đảm bảo rõ thẩm quyền, nhiệm vụ và trách nhiệm được giao. Ngoài ra, đảm bảo sự đồng bộ, tổng thể, liên thông và phù hợp với tình hình thực tế trên địa bàn thành phố đúng theo quy định của pháp luật.

- Mục đích ban hành

Kịp thời ban hành quy định một số nội dung cụ thể Quy định về đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi, vận tải khách tham quan du lịch và dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách tuyến cố định bằng đường thủy nội địa, đường biển trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

c) Nội dung chủ yếu:

Quyết định số 56/2026/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi, vận tải hành khách tham quan du lịch và dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách tuyến cố định bằng đường thủy nội địa - đường biển trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 06 điều, cụ thể như sau:

- Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi, vận tải hành khách tham quan du lịch và dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách tuyến cố định bằng đường thủy nội địa - đường biển trên địa bàn thành phố Cần Thơ (Điều 1)

- Quy định về đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách tuyến cố định bằng đường thủy nội địa - đường biển: đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của dịch vụ vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường thủy nội địa - đường biển; đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của dịch vụ vận tải hàng hóa tuyến cố định bằng đường thủy nội địa - đường biển.

- Quy định về đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi và dịch vụ vận tải hành khách tham quan du lịch: đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi; đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của dịch vụ vận tải hành khách tham quan du lịch.

- Hiệu lực thi hành (Điều 2)
- Tổ chức thực hiện (Điều 3).

10. Quyết định số 57/2026/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý nhà nước trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành

+ Cơ sở chính trị, pháp lý

Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 67/2025/QH15;

Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước.

Công văn số 557/UBND-TH ngày 11 tháng 8 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc phân công soạn thảo Quyết định ban hành Quy định chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý nhà nước trên địa bàn thành phố Cần Thơ theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Căn cứ khoản 2 Điều 30 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm ban hành Quyết định quy định chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý theo địa bàn”. Đây là cơ sở pháp lý giao Ủy ban nhân dân thành phố thẩm quyền ban hành Quyết định quy định chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý nhà nước trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

+ Cơ sở thực tiễn

Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2021 quy định chế độ báo cáo định kỳ của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ. Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quyết định số 1437/QĐ-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2019 công bố danh mục báo cáo định kỳ và quy định chế độ báo cáo định kỳ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng. Ủy ban

nhân dân tỉnh Hậu Giang ban hành Quyết định số 09/2020/QĐ-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2020 quy định chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Tại khoản 19 Điều 1 Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, quy định: “19. *Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Hậu Giang thành thành phố mới có tên gọi là thành phố Cần Thơ. Sau khi sắp xếp, thành phố Cần Thơ có diện tích tự nhiên là 6.360,83 km², quy mô dân số là 4.199.824 người. Thành phố Cần Thơ giáp các tỉnh An Giang, Đồng Tháp, Cà Mau, Vĩnh Long và Bến Tre*”.

Tại khoản 20 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025, quy định: “Trường hợp nhiều đơn vị hành chính được nhập thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp thì văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi đơn vị hành chính đó cho đến khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính mới ban hành văn bản hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới”.

Qua rà soát, chế độ báo cáo định kỳ quy định tại 03 địa phương Cần Thơ, Sóc Trăng, Hậu Giang không giống nhau, cụ thể: Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND quy định danh mục gồm 91 chế độ báo cáo, Quyết định số 1437/QĐ-UBND quy định danh mục gồm 17 chế độ báo cáo, Quyết định số 09/2020/QĐ-UBND quy định danh mục gồm duy nhất báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng/6 tháng/năm và phương hướng nhiệm vụ tháng/6 tháng/năm tiếp theo; đối tượng thực hiện báo cáo ở địa phương quy định tại các Quyết định nêu trên là Ủy ban nhân dân cấp huyện, không có Ủy ban nhân dân cấp xã là chưa phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp; một số chế độ báo cáo (tên báo cáo, thời hạn giao báo cáo, nội dung, biểu mẫu báo cáo) đã không còn phù hợp với quy định hiện hành. Nên việc đề xuất tiếp tục áp dụng một trong ba Quyết định nêu trên là chưa đảm bảo theo quy định hiện hành và chưa phù hợp tình hình thực tế.

Dự báo tình hình khó khăn trong trường hợp không kịp thời ban hành Quyết định:

Hiện nay, chưa có sự thống nhất quy định chế độ báo cáo định kỳ trên địa bàn thành phố Cần Thơ (mới), việc chậm ban hành Quyết định quy định chế độ báo cáo định kỳ sẽ dẫn đến công tác thống kê, báo cáo, tổng hợp số liệu của các cơ quan, đơn vị, địa phương, của thành phố phục vụ mục tiêu quản lý nhà nước và công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban

nhân dân thành phố gặp khó khăn, dự báo sẽ phát sinh nhiều vướng mắc liên quan đến quy định của pháp luật hiện hành về chế độ báo cáo định kỳ.

Quy định chế độ báo cáo định kỳ trên địa bàn thành phố Cần Thơ (báo cáo truyền thống) chưa thống nhất nên thiếu cơ sở để cấu hình, khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo thành phố Cần Thơ (báo cáo điện tử); việc liên thông dữ liệu giữa Hệ thống thông tin báo cáo thành phố Cần Thơ với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ bị gián đoạn, không cung cấp số liệu kịp thời phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

Từ căn cứ pháp lý, cơ sở thực tiễn nêu trên, việc ban hành Quyết định Quy định chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý nhà nước trên địa bàn thành phố Cần Thơ nhằm thống nhất nguyên tắc quản lý, thực hiện chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý nhà nước trên địa bàn thành phố sau sáp nhập đơn vị hành chính; đồng thời, tạo cơ sở pháp lý để rà soát, công bố và chuẩn hóa Danh mục chế độ báo cáo định kỳ áp dụng thống nhất trên toàn địa bàn thành phố.

- Mục đích ban hành

Quy định nguyên tắc, trách nhiệm và phương thức tổ chức thực hiện chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý nhà nước trên địa bàn thành phố;

Làm cơ sở để công bố, chuẩn hóa Danh mục chế độ báo cáo định kỳ và triển khai thống nhất trên Hệ thống thông tin báo cáo thành phố;

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng dữ liệu số và chữ ký số trong hoạt động báo cáo phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

c) Nội dung chủ yếu:

Quyết định số 57/2026/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý nhà nước trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 03 điều, cụ thể như sau:

- Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý nhà nước trên địa bàn thành phố Cần Thơ (Điều 1)

+ Nguyên tắc báo cáo

+ Yêu cầu đối với việc ban hành chế độ báo cáo và phương thức gửi, nhận báo cáo

+ Thời gian chốt số liệu báo cáo

+ Thời hạn gửi báo cáo

+ Danh mục báo cáo và hình thức công bố

+ Nguyên tắc ứng dụng công nghệ thông tin

+ Yêu cầu đối với Hệ thống thông tin báo cáo thành phố

- + Vận hành Hệ thống thông tin báo cáo
- + Quyền, trách nhiệm của các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường trong việc khai thác, sử dụng dữ liệu trên Hệ thống thông tin báo cáo thành phố
- + Trách nhiệm công khai, chia sẻ thông tin báo cáo
- + Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, công chức, viên chức và tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chế độ báo cáo
- Hiệu lực thi hành (Điều 2)
- Trách nhiệm thi hành (Điều 3).

Trên đây là Thông cáo báo chí văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành trong tháng 5 năm 2026, Sở Tư pháp xin thông báo./.

Nơi nhận:

- HĐND thành phố (để báo cáo);
- UBND thành phố (để báo cáo);
- UBMTTQ Việt Nam thành phố;
- Sở, ban, ngành thành phố;
- UBND xã, phường;
- Trang Thông tin điện tử PBGDPL thành phố;
- Lưu: VT, P.PBTDTHPL&QLXLVPHC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đồng Việt Phương